

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quy trình giải quyết tố cáo  
trên địa bàn tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo;

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 921/TT-TTr ngày 24 tháng 9 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 2.** Giao Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử LA;
- Phòng NCTCD<sub>TCD</sub>;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hữu Lâm**

**QUY ĐỊNH**

**Quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Long An**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 50 /2014/QĐ-UBND  
ngày 03 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Long An)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo, giải quyết lại tố cáo, bao gồm việc tiếp nhận, xác minh, kết luận về nội dung tố cáo, việc xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo và việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước; cơ quan, tổ chức, đơn vị do cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước quyết định thành lập.

2. Người giải quyết tố cáo, người được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xác minh nội dung tố cáo thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến nội dung tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 3. Nguyên tắc giải quyết tố cáo**

1. Việc giải quyết tố cáo phải bảo đảm kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định của pháp luật; bảo đảm an toàn cho người tố cáo; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, người giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao xác minh nội dung tố cáo phải áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền hoặc báo ngay cho cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền để áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo, ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật.

**Điều 4. Xử lý tố cáo trong trường hợp người tố cáo rút tố cáo**

1. Trong trường hợp người tố cáo xin rút nội dung tố cáo và xét thấy việc rút tố cáo là có căn cứ thì người giải quyết tố cáo không xem xét, giải quyết nội dung tố cáo đó. Trong trường hợp xét thấy hành vi vi phạm pháp luật vẫn chưa được phát hiện và xử lý thì người giải quyết tố cáo vẫn xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng việc rút tố cáo do người tố cáo bị đe dọa, ép buộc thì người giải quyết tố cáo phải áp dụng các biện pháp để bảo vệ người tố cáo, xử lý nghiêm đối với người đe dọa, ép buộc người tố cáo, đồng thời phải xem xét, giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp người tố cáo xin rút nội dung tố cáo nhằm che giấu hành vi vi phạm pháp luật, trốn tránh trách nhiệm hoặc vì vụ lợi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người tố cáo sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Chương II** **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO** **Mục 1**

### **THỦ LÝ, CHUẨN BỊ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO**

#### **Điều 5. Tiếp nhận tố cáo, kiểm tra điều kiện thụ lý tố cáo**

1. Khi tiếp nhận tố cáo thuộc thẩm quyền, thì trong thời hạn quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 20 Luật Tố cáo, người giải quyết tố cáo phải tổ chức việc kiểm tra, xác minh về họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và các nội dung khác về những trường hợp người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết tố cáo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Luật Tố cáo.

Trong trường hợp người tố cáo trực tiếp tố cáo thì người tiếp nhận tố cáo yêu cầu người tố cáo nêu rõ họ tên, địa chỉ, xuất trình giấy tờ tùy thân và lập Biên bản ghi nội dung tố cáo trực tiếp (theo Mẫu số 01-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

2. Đối với tố cáo thuộc các trường hợp không thụ lý giải quyết được quy định tại Khoản 2, Điều 20 Luật Tố cáo và người tố cáo có yêu cầu thì người giải quyết tố cáo thông báo bằng văn bản cho người tố cáo về việc không thụ lý giải quyết tố cáo (theo Mẫu số 02-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

3. Đối với tố cáo tiếp thuộc trường hợp không giải quyết lại được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Luật Tố cáo thì người giải quyết tố cáo thông báo bằng văn bản cho người tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan về việc không thụ lý giải quyết tố cáo tiếp và đề nghị chấm dứt việc tố cáo, việc xem xét, giải quyết tố cáo nếu không có tình tiết mới (văn bản thông báo thực hiện theo Mẫu số 03-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

4. Đối với tố cáo đủ điều kiện để thụ lý giải quyết thì đơn vị chức năng hoặc người đã kiểm tra, xác minh các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều này lập Phiếu đề xuất để trình người giải quyết tố cáo xem xét, quyết định việc thụ lý giải quyết tố cáo (Phiếu đề xuất thụ lý giải quyết tố cáo thực hiện theo Mẫu số 04-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

#### **Điều 6. Ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo**

1. Người giải quyết tố cáo phải ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo (sau đây gọi tắt là quyết định thụ lý). Trước khi ban hành quyết định thụ lý, trong trường hợp cần thiết, người giải quyết tố cáo tổ chức làm việc trực tiếp với người tố cáo để làm rõ nội dung tố cáo và các vấn đề khác có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung nội dung quyết định thụ lý giải quyết tố cáo phải thực hiện bằng quyết định của người giải quyết tố cáo.

2. Trường hợp người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh thì trong quyết định thụ lý phải thành lập Tổ xác minh tố cáo hoặc Đoàn xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Đoàn xác minh) có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng Tổ xác minh hoặc Trưởng đoàn xác minh (sau đây gọi chung là Trưởng đoàn xác minh). Quyết định thụ lý và thành lập Đoàn xác minh phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; họ tên, chức vụ của từng người trong Đoàn xác minh (sau đây gọi chung là người xác minh tố cáo), nội dung cần xác minh, thời gian tiến hành xác minh, quyền hạn, trách nhiệm của Đoàn xác minh (Quyết định thụ lý và thành lập Đoàn xác minh thực hiện theo Mẫu số 05-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

3. Trong trường hợp người giải quyết tố cáo giao nhiệm vụ cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị khác tiến hành xác minh nội dung tố cáo thì quyết định thụ lý phải ghi rõ cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xác minh, tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo, họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ của cá nhân bị tố cáo, nội dung cần xác minh, thời hạn xác minh (Quyết định thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo Mẫu số 06-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

4. Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo có trách nhiệm thành lập Đoàn xác minh theo quy định tại Khoản 2 Điều này (Quyết định thành lập Đoàn xác minh thực hiện theo Mẫu số 07-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

#### **Điều 7. Thông báo việc thụ lý tố cáo**

1. Người giải quyết tố cáo phải thông báo bằng văn bản cho người tố cáo về thời điểm thụ lý tố cáo và các nội dung tố cáo được thụ lý.

2. Việc thông báo được thực hiện bằng một trong hai hình thức sau:

a) Gửi quyết định thụ lý giải quyết tố cáo;

b) Gửi văn bản thông báo về việc thụ lý tố cáo (theo Mẫu số 08-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

#### **Điều 8. Kế hoạch xác minh tố cáo**

1. Nội dung kế hoạch xác minh tố cáo gồm:

a) Căn cứ pháp lý để tiến hành xác minh;

- b) Mục đích, yêu cầu của việc xác minh;
- c) Nội dung xác minh;
- d) Các đơn vị, cá nhân cần phải làm việc để thu thập, xác minh các thông tin, tài liệu, bằng chứng;
- đ) Các điều kiện, phương tiện phục vụ cho việc xác minh;
- e) Dự kiến thời gian thực hiện từng công việc đã xác định; nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên; thời gian dự phòng để xử lý các công việc phát sinh nhằm đảm bảo thời hạn xác minh được giao;
- g) Thời điểm báo cáo tiến độ xác minh tố cáo, hình thức báo cáo tiến độ;
- h) Các nội dung khác liên quan (nếu có).

2. Trưởng đoàn xác minh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch xác minh tố cáo trình người quyết định thành lập Đoàn xác minh phê duyệt trước khi tiến hành xác minh tố cáo; thực hiện kế hoạch xác minh được duyệt và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của người quyết định thành lập Đoàn xác minh.

## Mục 2

### TIẾN HÀNH XÁC MINH NỘI DUNG TỐ CÁO

#### Điều 9. Thông báo quyết định thành lập Đoàn xác minh

1. Trưởng đoàn xác minh có trách nhiệm giao quyết định thành lập Đoàn xác minh cho người bị tố cáo chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Đoàn xác minh được thành lập. Trường hợp người bị tố cáo là cơ quan, tổ chức, đơn vị thì giao quyết định thành lập Đoàn xác minh tố cáo cho người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Việc giao quyết định phải lập thành biên bản có chữ ký của người giao và người nhận quyết định. Biên bản phải lập thành ít nhất hai bản và giao một bản cho người nhận quyết định.

2. Trường hợp cần thiết, người thành lập Đoàn xác minh tổ chức việc công bố quyết định thành lập Đoàn xác minh với người bị tố cáo. Khi công bố quyết định, người công bố quyết định đọc toàn văn quyết định được công bố, nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo; giao quyết định và thông báo cho người bị tố cáo biết lịch làm việc, những công việc khác có liên quan (nếu có). Việc công bố quyết định phải lập thành biên bản có chữ ký của người công bố quyết định và người bị tố cáo. Biên bản phải lập thành ít nhất hai bản và giao một bản cho người bị tố cáo.

#### Điều 10. Làm việc trực tiếp với người tố cáo

1. Người xác minh tố cáo phải làm việc trực tiếp với người tố cáo để làm rõ về những nội dung tố cáo, đồng thời yêu cầu người tố cáo cung cấp các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo. Nội dung làm việc với người tố cáo phải lập thành biên bản, có chữ ký của người tố cáo, người xác minh tố cáo. Biên bản phải lập thành ít nhất hai bản và giao một bản cho người tố cáo nếu người tố cáo có yêu cầu và lưu trong hồ sơ giải quyết tố cáo (Biên

bản làm việc thực hiện theo Mẫu số 09-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

2. Trường hợp không thể làm việc trực tiếp với người tố cáo vì lý do khách quan hoặc theo yêu cầu của người tố cáo hoặc để bảo vệ người tố cáo thì người ra quyết định thành lập Đoàn xác minh hoặc Trưởng đoàn xác minh phải có văn bản yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo.

#### **Điều 11. Làm việc trực tiếp với người bị tố cáo**

1. Người xác minh tố cáo phải làm việc trực tiếp với người bị tố cáo. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích hồ sơ đã có, người xác minh tố cáo đưa ra những nội dung cụ thể để yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về những nội dung bị tố cáo và cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo, nội dung giải trình.

2. Nội dung làm việc với người bị tố cáo được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của người bị tố cáo và người xác minh tố cáo. Biên bản phải lập thành ít nhất hai bản và giao một bản cho người bị tố cáo nếu người bị tố cáo có yêu cầu và lưu trong hồ sơ giải quyết tố cáo.

3. Trường hợp văn bản giải trình của người bị tố cáo, thông tin, tài liệu, bằng chứng do người bị tố cáo cung cấp thể hiện chưa rõ hoặc chưa đầy đủ nội dung theo yêu cầu thì người xác minh tố cáo yêu cầu người bị tố cáo tiếp tục giải trình bằng văn bản, cung cấp thêm thông tin, tài liệu, bằng chứng hoặc làm việc trực tiếp để yêu cầu người bị tố cáo giải thích cụ thể các vấn đề còn chưa rõ.

#### **Điều 12. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo**

1. Việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo thực hiện bằng văn bản của người ra quyết định thành lập Đoàn xác minh hoặc Trưởng đoàn xác minh (theo Mẫu số 10-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

2. Trường hợp cần thiết, Đoàn xác minh trực tiếp làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để trực tiếp yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo. Các nội dung người xác minh tố cáo yêu cầu cung cấp phải lập thành biên bản (theo Mẫu số 09-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ) có chữ ký của người xác minh tố cáo và xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu. Biên bản phải lập thành ít nhất hai bản và giao một bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

#### **Điều 13. Thu thập, xử lý thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo**

1. Người xác minh tố cáo phải nghiên cứu, thu thập thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo và theo yêu cầu của việc giải quyết tố

cáo. Việc thu thập thông tin, tài liệu, bằng chứng phải bám sát nội dung tố cáo, kế hoạch xác minh tố cáo. Các thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được phải ghi chép vào sổ sách hoặc lập thành biên bản. Khi tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng do người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp trực tiếp thì phải lập Giấy biên nhận (theo Mẫu số 11-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ) và lưu giữ trong hồ sơ giải quyết tố cáo.

2. Các tài liệu được thu thập phải thể hiện rõ nguồn tài liệu. Nếu không thu thập bản chính thì khi thu thập bản sao, người tiếp nhận tài liệu phải đối chiếu với bản chính. Trường hợp không có bản chính để đối chiếu thì phải ghi rõ trong giấy biên nhận tài liệu. Các tài liệu do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp. Tài liệu do cá nhân cung cấp phải yêu cầu người cung cấp ký xác nhận vào lề dưới của tài liệu đó. Trường hợp tài liệu bị mất trang, mất chữ, quá cũ nát, quá mờ không đọc được chính xác nội dung thì người thu thập phải ghi rõ tình trạng của tài liệu đó trong Giấy biên nhận tài liệu.

3. Người xác minh tố cáo phải kiểm tra tính xác thực của thông tin, tài liệu, bằng chứng đã thu thập được, chú trọng những thông tin, tài liệu, bằng chứng do người tố cáo đưa ra để tố cáo hành vi vi phạm và thông tin, tài liệu, bằng chứng do người bị tố cáo đưa ra để giải trình, chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo. Đối với thông tin, tài liệu, bằng chứng sử dụng làm căn cứ để kết luận nội dung tố cáo phải làm rõ nguồn gốc, tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp của những thông tin, tài liệu, bằng chứng đó.

4. Người xác minh tố cáo phải đánh giá, nhận định về giá trị chứng minh của những thông tin, tài liệu, bằng chứng đã được thu thập trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và các nguyên tắc trong giải quyết tố cáo. Các thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được phải sử dụng đúng quy định của pháp luật, quản lý chặt chẽ, chỉ được cung cấp hoặc công bố khi được người có thẩm quyền cho phép.

#### **Điều 14. Xác minh thực tế**

1. Căn cứ kế hoạch xác minh, hồ sơ, tình tiết vụ việc hoặc chỉ đạo của người ra quyết định xác minh tố cáo, Trưởng đoàn xác minh tổ chức việc xác minh thực tế ở những địa điểm cần thiết để thu thập, kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung vụ việc.

2. Việc xác minh thực tế phải lập thành biên bản ghi đầy đủ kết quả xác minh, ý kiến của những người tham gia xác minh và những người khác có liên quan (nếu có). Biên bản phải có chữ ký của người chủ trì việc xác minh, những người khác có liên quan và được lưu trong hồ sơ vụ việc.

#### **Điều 15. Trưng cầu giám định**

1. Khi xét thấy cần có sự đánh giá về nội dung liên quan đến chuyên môn, kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận nội dung tố cáo, xử lý hành vi vi phạm bị

tố cáo thì người ra quyết định thành lập Đoàn xác minh trưng cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định.

2. Việc trưng cầu giám định thực hiện bằng văn bản. Văn bản trưng cầu giám định phải nêu rõ tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định; tên thông tin, tài liệu, bằng chứng cần giám định; nội dung yêu cầu giám định đối với từng thông tin, tài liệu, bằng chứng, thời hạn đề nghị có kết luận giám định (Văn bản trưng cầu giám định thực hiện theo Mẫu số 12-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

#### **Điều 16. Gia hạn thời gian giải quyết tố cáo**

Trong trường hợp cần thiết, người giải quyết tố cáo quyết định việc gia hạn thời gian giải quyết tố cáo theo quy định tại Khoản 2, Điều 21 Luật tố cáo (Quyết định gia hạn thực hiện theo Mẫu số 13-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

#### **Điều 17. Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo**

1. Trưởng đoàn xác minh phải báo cáo bằng văn bản về kết quả xác minh tố cáo với người ra quyết định thành lập Đoàn xác minh. Văn bản báo cáo phải được các thành viên trong Đoàn xác minh thảo luận, đóng góp ý kiến (Báo cáo của Đoàn xác minh thực hiện theo Mẫu số 14-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

2. Trường hợp vụ việc có nhiều nội dung và qua xác minh đã phát hiện có nội dung có dấu hiệu tội phạm thì Đoàn xác minh tách riêng nội dung đó báo cáo ngay với người ra quyết định thành lập Đoàn xác minh để người ra quyết định kết luận, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người giải quyết tố cáo giao nhiệm vụ cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức khác tiến hành xác minh tố cáo thì Thủ trưởng cơ quan được giao xác minh phải có báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết luận của mình đối với nội dung được giao xác minh (Báo cáo thực hiện theo Mẫu số 15-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

4. Trong trường hợp xác minh để giải quyết lại tố cáo thì ngoài những nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này, trong báo cáo của Đoàn xác minh, báo cáo của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xác minh còn phải nêu rõ những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có) và kiến nghị việc xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

#### **Điều 18. Tham khảo ý kiến tư vấn để kết luận tố cáo**

Đối với những vụ việc phức tạp, khi xét thấy cần thiết, người ra quyết định thành lập Đoàn xác minh hoặc người giải quyết tố cáo tổ chức tham khảo ý

kiến tư vấn của các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý cấp trên hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan để phục vụ cho việc giải quyết tố cáo.

### Mục 3

## KẾT LUẬN, XỬ LÝ NỘI DUNG TỐ CÁO VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

### Điều 19. Thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo

1. Trước khi ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo phải tổ chức thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo với người bị tố cáo. Trường hợp cần thiết thì tổ chức thông báo dự thảo kết luận với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Hình thức thông báo dự thảo kết luận là thông báo trực tiếp tại buổi làm việc hoặc gửi dự thảo kết luận nội dung tố cáo để người bị tố cáo biết và tiếp tục giải trình (nếu có).

Trường hợp trong dự thảo kết luận nội dung tố cáo có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc các thông tin có hại cho người tố cáo thì không thông báo những thông tin đó.

2. Người chủ trì cuộc họp thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo là người giải quyết tố cáo hoặc Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao xác minh tố cáo hoặc Trưởng đoàn xác minh. Việc thông báo trực tiếp dự thảo kết luận phải lập thành biên bản, ghi nhận đầy đủ ý kiến của những người được thông báo dự thảo kết luận, có chữ ký xác nhận của người chủ trì buổi thông báo và người bị tố cáo. Trong trường hợp người bị tố cáo không ký biên bản thì người chủ trì phải ghi rõ sự việc đó trong biên bản.

### Điều 20. Kết luận nội dung tố cáo

1. Căn cứ nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, báo cáo kết quả xác minh tố cáo, biên bản công bố dự thảo kết luận nội dung tố cáo, các thông tin, tài liệu, bằng chứng có liên quan, đối chiếu với các quy định của pháp luật, người giải quyết tố cáo ban hành văn bản kết luận nội dung tố cáo (Văn bản kết luận nội dung tố cáo thực hiện theo Mẫu số 16-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

2. Trong trường hợp giải quyết lại tố cáo thì ngoài các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 23 Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, người giải quyết tố cáo phải kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

### Điều 21. Xử lý tố cáo

1. Ngay sau khi có kết luận về nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo phải căn cứ kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo để xử lý như sau:

a) Trường hợp đã có kết luận về việc tiền, tài sản của Nhà nước, tập thể do người bị tố cáo hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thuộc quyền quản lý của người giải quyết tố cáo chiếm đoạt hoặc gây thất thoát thì phải ban hành Quyết định về việc thu hồi số tiền, tài sản đó.

b) Trường hợp đã có kết luận về hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định về nhiệm vụ, công vụ thuộc thẩm quyền xử lý của người giải quyết tố cáo thì tiến hành các thủ tục theo quy định để ban hành quyết định xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp khác để xử lý hành vi vi phạm, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp đã có kết luận về hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định về nhiệm vụ, công vụ mà người vi phạm không thuộc thẩm quyền xử lý của người giải quyết tố cáo thì người giải quyết tố cáo xử lý như sau:

- Đối với vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của người giải quyết tố cáo thì ban hành Quyết định giao nhiệm vụ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó xử lý vi phạm. Quyết định giao nhiệm vụ xử lý vi phạm phải nêu cụ thể hành vi vi phạm, đối tượng vi phạm phải xử lý và hậu quả phải khắc phục.

- Đối với hành vi có dấu hiệu tội phạm thì có văn bản chuyển hồ sơ có dấu hiệu tội phạm cho Cơ quan điều tra (theo Mẫu số 17-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ). Hồ sơ bàn giao cho Cơ quan điều tra là hồ sơ gốc và phải sao lại một bộ hồ sơ để lưu trữ. Việc bàn giao hồ sơ phải lập thành biên bản (theo Mẫu số 18-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ).

- Đối với những vi phạm khác thuộc thẩm quyền xử lý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân không thuộc phạm vi quản lý của người giải quyết tố cáo thì ban hành văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý vi phạm, đồng thời gửi kèm hồ sơ về hành vi vi phạm đó.

d) Trường hợp đã có kết luận về việc người tố cáo cố ý tố cáo sai sự thật thì người giải quyết tố cáo phải có biện pháp xử lý người tố cáo theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các văn bản xử lý tố cáo nêu tại Điểm a, Điểm b và Điểm c, Khoản 1 Điều này người giải quyết tố cáo phải quy định cụ thể thời gian hoàn thành các nội dung xử lý tố cáo, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện.

## **Điều 22. Công khai kết luận và kết quả xử lý tố cáo**

1. Sau khi xử lý tố cáo, người giải quyết tố cáo phải công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo.

2. Trường hợp người tố cáo có yêu cầu về việc thông báo kết quả giải quyết tố cáo thì người giải quyết tố cáo thông báo cho người tố cáo bằng một trong hai hình thức sau:

a) Gửi văn bản kết luận nội dung tố cáo và các quyết định, văn bản xử lý tố cáo. Trường hợp trong các văn bản nêu trên có nội dung thuộc bí mật nhà nước thì phải trích văn bản để loại bỏ những thông tin đó trước khi gửi cho người bị tố cáo và cơ quan quản lý người bị tố cáo.

b) Gửi văn bản thông báo kết quả giải quyết tố cáo (theo Mẫu số 19-TC ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ); trong đó, phải nêu rõ kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo, nội dung các quyết định, văn bản xử lý tố cáo.

3. Trường hợp người tố cáo không yêu cầu thông báo kết quả giải quyết tố cáo nhưng qua xác minh đã kết luận toàn bộ hoặc một số nội dung tố cáo là không đúng sự thật thì người giải quyết tố cáo vẫn phải thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết về những nội dung đã tố cáo không đúng sự thật.

### **Điều 23. Lập, quản lý, lưu giữ hồ sơ giải quyết tố cáo**

1. Trường đoàn xác minh có trách nhiệm giúp người giải quyết tố cáo lập hồ sơ giải quyết tố cáo; tập hợp những thông tin, tài liệu, bằng chứng, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo, kết quả xác minh, kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý tố cáo được hình thành từ khi mở hồ sơ giải quyết tố cáo đến khi đóng hồ sơ theo trình tự sau:

a) Mở hồ sơ giải quyết tố cáo. Thời điểm mở hồ sơ là ngày Đoàn xác minh được thành lập;

b) Thu thập, phân loại văn bản, tài liệu, lập mục lục để quản lý;

c) Đóng hồ sơ giải quyết tố cáo. Thời điểm đóng hồ sơ là ngày người có thẩm quyền thực hiện xong việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo quy định tại Điều 22 của Quy định này.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ thời điểm đóng hồ sơ, Trường đoàn xác minh hoàn tất việc sắp xếp, lập mục lục và bàn giao hồ sơ cho bộ phận lưu trữ cơ quan của Trường đoàn xác minh hoặc bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác được người giải quyết tố cáo giao quản lý hồ sơ giải quyết tố cáo đó.

## **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 24. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành hoặc cơ quan tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Thanh tra tỉnh) để tổng hợp, nghiên cứu, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hữu Lâm**